HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28/2025/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Quy định việc phân định các nhiệm vụ chi và một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 2320/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 644/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định việc phân định các nhiệm vụ chi và một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định việc phân định các nhiệm vụ chi và một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Trường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tham gia tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 62/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về phân cấp nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, khi các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nội dung chi và mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tại địa phương đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định pháp luật trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện cho đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, nhưng tối đa không quá niên độ ngân sách nhà nước năm 2025 và bảo đảm phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 7 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Tây Ninh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT, (tructhao).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Việc phân định các nhiệm vụ chi và một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân định cụ thể các nhiệm vụ chi và một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh (gọi chung là cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là cấp xã).

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Chương II
PHÂN ĐỊNH NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Điều 3. Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách cấp tỉnh

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm:

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn

thuộc trách nhiệm xử lý của tỉnh; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ, kênh, rạch đối với trường hợp có phạm vi ô nhiễm liên xã;

b) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước;

c) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh theo dự án đầu tư (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo pháp luật về công nghệ thông tin);

b) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh;

c) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch tỉnh (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định).

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh;

b) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại điểm a, b, c, đ, e, h khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh;

c) Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, cấp lĩnh vực; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; theo dõi, giám sát, thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính các cơ sở trong phạm vi quản lý; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh;

d) Hoạt động phát triển thị trường các-bon trong nước;

đ) Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh;

e) Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ tại địa bàn.

6. Hoạt động truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm: Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật.

7. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đề xuất của cơ quan trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn;

b) Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật.

8. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh;

c) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh;

d) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ảnh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường;

e) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường;

g) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

i) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 4. Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách cấp xã

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm:

Xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, kênh, rạch trên địa bàn cấp xã (bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý môi trường).

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Sửa chữa, cải tạo, vận hành các công trình xử lý chất thải trên địa bàn xã;

b) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của xã.

4. Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ của UBND cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn cấp xã gồm có:

a) Xây dựng báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học cấp xã;

b) Thống kê đa dạng sinh học theo quyết định của cấp có thẩm quyền; xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học;

c) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học.

6. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã.

7. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của UBND cấp xã, bao gồm:

a) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường;

c) Phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường;

d) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của cấp xã (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu).

Chương III
MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Điều 5. Mức chi

Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cụ thể như sau:

<table>
<tr><th>STT</th><th>Nội dung chi</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức chi (1.000 đồng)</th><th>Ghi chú</th></tr>
<tr><td>1</td><td colspan="4">Chi phí lập nhiệm vụ, dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường</td></tr>
<tr><td>1.1</td><td>Lập nhiệm vụ</td><td>Nhiệm vụ</td><td rowspan="2">Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 sửa đổi, bổ sung chi phí lập nhiệm vụ, dự án tại mục 1 Phụ lục số 1 và mục 1 Phụ lục số 2 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính</td><td></td></tr>
<tr><td>1.2</td><td>Lập dự án</td><td>Dự án</td><td></td></tr>
</table>

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	**Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)**	buổi họp		
2.1	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	400	Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hằng năm
2.2	Thành viên, thư ký	người/buổi	240	
2.3	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	120	
2.4	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	400	
2.5	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	bài viết	250	
3	**Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (**tối đa không quá 5 bài viết)	bài viết	400	Trường hợp không thành lập hội đồng
4	**Điều tra, khảo sát**			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	phiếu	50	
	- Tổ chức	phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
			thuê ngoài (22 ngày)	
4.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	
5	**Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:**	**báo cáo**		
5.1	Nhiệm vụ		4.000	
5.2	Dự án		12.000	
6	**Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)**			
6.1	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	560	
6.2	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	người/buổi	480	
6.3	Thành viên Hội đồng thẩm định	người/buổi	240	
6.4	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	120	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
6.5	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	bài viết	400	
6.6	Bài nhận xét của uỷ viên, Hội đồng (nếu có)	bài viết	240	
6.7	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	bài viết	320	
7	**Hội thảo khoa học (nếu có)**			
7.1	Người chủ trì	người/buổi	400	
7.2	Thư ký hội thảo	người/buổi	240	
7.3	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	120	
7.4	Báo cáo tham luận	bài viết	300	
8	**Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ**			
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	320	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	160	
8.2	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng		560	
	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	320	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	320	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
	Đại biểu được mời tham dự		120	
9	**Chi giải thưởng môi trường**			
9.1	Tổ chức		8.000	
9.2	Cá nhân		6.000	

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo phân cấp./.